

Phụ lục
SỬA ĐỔI MỨC THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI CỦA MỘT SỐ
MẶT HÀNG XĂNG, DẦU, NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT XĂNG, DẦU
TẠI PHỤ LỤC II BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 26/2023/NĐ-CP
(Kèm theo Nghị định số 72/2026/NĐ-CP
ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ)

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
27.07	Dầu và các sản phẩm khác từ chưng cất hắc ín than đá ở nhiệt độ cao; các sản phẩm tương tự có khối lượng cầu tử thơm lớn hơn cầu tử không thơm.	
2707.10.00	- Benzen	3
2707.20.00	- Toluen	0
2707.30.00	- Xylen	0
2707.40.00	- Naphthalen	0
2707.50.00	- Các hỗn hợp hydrocarbon thơm khác có từ 65% thể tích trở lên (kể cả lượng hao hụt) được chưng cất ở nhiệt độ 250°C theo phương pháp ISO 3405 (tương đương phương pháp ASTM D 86)	0
	- Loại khác:	
2707.91.00	- - Dầu creosote	0
2707.99	- - Loại khác:	
2707.99.10	- - - Nguyên liệu để sản xuất than đen	0
2707.99.90	- - - Loại khác	0
27.09	Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, ở dạng thô.	
2709.00.10	- Dầu mỏ thô	0
2709.00.20	- Condensate	0
2709.00.90	- Loại khác	0
27.10	Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, trừ dầu thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa hàm lượng từ 70% trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, nhưng loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó; dầu thải.	
	- Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum (trừ dầu thô) và các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa hàm lượng từ	

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
	70% trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó, trừ loại chứa dầu diesel sinh học và trừ dầu thải:	
2710.12	-- Dầu nhẹ và các chế phẩm:	
	--- Xăng động cơ, có pha chì:	
2710.12.11	---- RON 97 và cao hơn	20
2710.12.12	---- RON 90 và cao hơn nhưng dưới RON 97	20
2710.12.13	---- RON khác	20
	--- Xăng động cơ, không pha chì:	
	---- RON 97 và cao hơn:	
2710.12.21	----- Chưa pha chế	0
2710.12.22	----- Pha chế với ethanol	0
2710.12.23	----- Loại khác	10
	---- RON 90 và cao hơn nhưng dưới RON 97:	
2710.12.24	----- Chưa pha chế	0
2710.12.25	----- Pha chế với ethanol	0
2710.12.26	----- Loại khác	10
	---- RON khác:	
2710.12.27	----- Chưa pha chế	10
2710.12.28	----- Pha chế với ethanol	10
2710.12.29	----- Loại khác	10
	--- Xăng máy bay, loại sử dụng cho động cơ máy bay kiểu piston:	
2710.12.31	---- Octane 100 và cao hơn	7
2710.12.39	---- Loại khác	7
2710.12.40	--- Tetrapropylene	10
2710.12.50	--- Dung môi trắng (white spirit)	10
2710.12.60	--- Dung môi có hàm lượng cấu tử thơm thấp dưới 1% tính theo trọng lượng	10
2710.12.70	--- Dung môi nhẹ khác	10
2710.12.80	--- Naphtha, reformat và các chế phẩm khác để pha chế xăng động cơ	0
	--- Loại khác:	
2710.12.91	---- Alpha olefins	10
2710.12.92	---- Loại khác, spirit dầu mỏ, có độ chớp cháy dưới 23°C	10
2710.12.99	---- Loại khác	10
2710.19	-- Loại khác:	

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
2710.19.20	- - - Dầu thô đã tách phần nhẹ	5
2710.19.30	- - - Nguyên liệu để sản xuất than đen	5
	- - - Dầu và mỡ bôi trơn:	
2710.19.41	- - - - Dầu khoáng đã tinh chế để sản xuất dầu bôi trơn	5
2710.19.42	- - - - Dầu bôi trơn cho động cơ máy bay	5
2710.19.44	- - - - Mỡ bôi trơn	5
2710.19.45	- - - - Dầu bôi trơn cho nguyên liệu dệt	5
2710.19.46	- - - - Dầu bôi trơn khác	5
2710.19.50	- - - Dầu dùng trong bộ hãm thủy lực (dầu phanh)	3
2710.19.60	- - - Dầu dùng cho máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng) và dầu dùng cho bộ phận ngắt mạch	5
	- - - Nhiên liệu diesel; các loại dầu nhiên liệu:	
2710.19.71	- - - - Nhiên liệu diesel cho ô tô	0
2710.19.72	- - - - Nhiên liệu diesel khác	0
2710.19.79	- - - - Dầu nhiên liệu	0
2710.19.81	- - - Nhiên liệu động cơ máy bay (nhiên liệu phản lực) có độ chớp cháy từ 23°C trở lên	0
2710.19.82	- - - Nhiên liệu động cơ máy bay (nhiên liệu phản lực) có độ chớp cháy dưới 23°C	0
2710.19.83	- - - Các kerosine khác	0
2710.19.89	- - - Dầu trung khác và các chế phẩm	5
2710.19.90	- - - Loại khác	0
2710.20.00	- Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum (trừ dầu thô) và các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa từ 70% trọng lượng trở lên là dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó, có chứa dầu diesel sinh học, trừ dầu thải	0
	- Dầu thải:	
2710.91.00	- - Chứa polychlorinated biphenyls (PCBs), polychlorinated terphenyls (PCTs) hoặc polybrominated biphenyls (PBBs)	20
2710.99.00	- - Loại khác	20
29.02	Hydrocarbon mạch vòng.	
	- Cyclanes, cyclenes và cycloterpenes:	
2902.11.00	- - Cyclohexane	0
2902.19.00	- - Loại khác	0

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
2902.20.00	- Benzen	3
2902.30.00	- Toluen	0
	- Xylenes:	
2902.41.00	- - <i>o</i> -Xylen	0
2902.42.00	- - <i>m</i> -Xylen	0
2902.43.00	- - <i>p</i>-Xylen	0
2902.44.00	- - Hỗn hợp các đồng phân của xylen	0
2902.50.00	- Styren	0
2902.60.00	- Etylbenzen	0
2902.70.00	- Cumen	0
2902.90	- Loại khác:	
2902.90.10	- - Dodecylbenzen	0
2902.90.20	- - Các loại alkylbenzen khác	0
2902.90.90	- - Loại khác	0